TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2021
Vv: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Thu H

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Lê Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 39/2021/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Huy N; Địa chỉ: TDP P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Lê Thị H; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang lao động tự do tại Canada (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Huy N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huy N và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 15/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng sang Nga làm ăn, sinh sống. Sau đó năm 2017 chị H về Việt N, năm 2018 thi lại đi lao động tại Canada. Còn anh N về Việt N từ năm 2019 cho đến nay. Kể từ năm 2017 vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên anh Nguyễn Huy N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Lê D, sinh ngày 21/10/2008 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 23/3/2010, hiện con đang ở cùng bà ngoại là bà Lê Thị H1. Anh N có nguyện vọng giao con cho mẹ là chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H chưa về nước thì anh N đồng ý để bà ngoại Lê Thị H1 thay chị H chăm sóc các con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Tòa án đã về làm việc với Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; làm việc với bà Lê Thị H1 là mẹ đẻ Chị Lê Thị H; gọi điện qua tài khoản Zalo của chị H do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và chị H trình bày bằng văn bản có nội dung: Chị Lê Thị H hiện đang làm việc và sinh sống tại Canada, do tình hình dịch bệnh nên chị không thể về Việt N để giải quyết vụ án. Chị H đã biết việc anh Nguyễn Huy N có yêu cầu ly hôn và xác nhận những nội về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng có nguyện vọng được ly hôn với anh N; Về con chung: Chị Lê Thị H trình bày có nguyện vọng được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Lê D, sinh ngày 21/10/2008 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 23/3/2010. Hiện nay chị đang lao động tại Canada chưa thể về nước nên chị nhờ bà Lê Thị H1 là mẹ đẻ chị thay chị chăm sóc các con cho đến khi chị về nước và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền việc giao nhận các tài liệu, chứng cứ cho bà Lê Thị H1, địa chỉ: xóm X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình làm việc bà Lê Thị H1 đồng ý tiếp tục chăm sóc các cháu Nguyễn Lê D, Nguyễn Hoàng V thay chị H cho đến khi chị H về nước và chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tại liệu của chị H.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Huy N. Xử cho anh Nguyễn Huy N được ly hôn với chị Lê Thị H. Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh ngày 23/8/2018 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do điều kiện công việc nên Chị H yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Lê Thị H1. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Lê Thị H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Huy N và Chị Lê Thị H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa hai bên ngày càng có sự khác biệt về suy nghĩ và lối sống. Từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng cắt đứt liên lạc, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Hiện cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng.

Quá trình làm việc chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn vì chị cho rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn mà chỉ tồn tại trên danh nghĩa.Tuổi đời còn trẻ nên chị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu để chị có điều kiện sớm ổn định cuộc sống.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Huy N và Chị Lê Thị H không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn

nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Huy N và Chị Lê Thị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Lê D, sinh ngày 21/10/2008 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 23/3/2010, anh Nguyễn Huy N và chị Lê Thị H đều thống nhất giao con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu hiện đang ở cùng với bà ngoại là bà Lê Thị H1 và các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên cần sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện hoàn cảnh mỗi bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị H không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu, tòa án không xem xét

[3] Về án phí ly hôn: Buộc anh Nguyễn Huy N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Huy N được ly hôn Chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Lê D, sinh ngày 21/10/2008 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 23/3/2010 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Huy N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc anh Nguyễn Huy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000181 ngày 17/5/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền